TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIÊN LỮ
TỈNH HƯNG YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:03/2018/KDTM-ST
Ngày: 18/12/2018
"V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN LỮ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đoàn Mạnh Quang
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Vũ Thị Toan
2. Ông Đào Văn Ngà

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Phương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tiên Lữ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lữ tham gia phiên tòa: Bà Đào Ngọc Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 12 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tiên Lữ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2018/TLST-KDTM ngày 11 tháng 9 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2018/QĐXXST-KDTM ngày 09 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần C
Địa chỉ: Số 1 Tr Đ, quận H, Thành phố Hà Nội

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Văn T - Phó Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần C, Chi nhánh Hưng Yên là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 979/UQ-HĐQT-NHCT18 ngày 20/10/2017) *"có mặt"*

Địa chỉ: Số 01 Đ B, phường L, thành phố H, tỉnh Hưng Yên

Bị đơn: Anh Nguyễn A T, sinh năm 1987 *"vắng mặt"*
Chị Bùi T L, sinh năm 1991 *"vắng mặt"*

Người làm chứng: Bà Trần Thị Ng, sinh năm 1966 *"vắng mặt"*

Đều có địa chỉ: Đội 2, thôn T L, xã T, huyện T, tỉnh Hưng Yên

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 23 tháng 3 năm 2017, Ngân hàng thương mại cổ phần C - Chi nhánh Hưng Yên (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và anh Nguyễn A T ký Hợp đồng cho vay hạn mức số 3013957572/2017-HĐTDHM/NHCT342, theo đó Ngân hàng cam kết cho anh T vay các khoản tiền bằng Đồng Việt Nam trong thời hạn duy trì hạn mức với tổng số tiền dư nợ tại mọi thời điểm không vượt quá 600.000.000đ *(sáu trăm triệu đồng)*. Mỗi khoản tiền được giải ngân và bên vay ký giấy nhận nợ được gọi là khoản nợ, thời hạn duy trì hạn mức kể từ ngày 23/3/2017 đến hết ngày 23/3/2018. Thời hạn cho vay của từng khoản nợ ghi trên giấy nhận nợ tối đa không quá 12 tháng. Lãi suất cho vay áp dụng đối với từng khoản nợ được điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng và tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng là 10%/năm, được điều

chỉnh 01 tháng/lần theo thông báo lãi suất của Ngân hàng; lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm phát sinh nợ quá hạn. Lãi suất chậm trả lãi bằng 10%/năm và phải chịu các loại phí theo quy định của Ngân hàng tại từng thời điểm và phù hợp với pháp luật. Mục đích cho vay để anh T kinh doanh thức ăn chăn nuôi.

Để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ gốc, thanh toán lãi, phí, các nghĩa vụ tài chính khác, vợ chồng anh Nguyễn A T chị Bùi T L đã ký Hợp đồng thế chấp bất động sản số 3013957572/03-2017/HĐTC ngày 23/3/2017 thế chấp diện tích đất 126,3m2 ở thôn T L, xã T, huyện T tại thửa số 09 tờ bản đồ số 94 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 715912 do UBND huyện T cấp ngày 15 tháng 4 năm 2014 mang tên ông Nguyễn Ngọc Th bà Trần Thị Ng, đã làm thủ tục tặng cho vợ chồng anh T chị L ngày 09/3/2017. Hợp đồng thế chấp bất động sản được công chứng và đăng ký giao dịch đảm bảo theo quy định.

Ngày 27/3/2017 Ngân hàng đã giải ngân số tiền 500.000.000đ, ngày 28/3/2017 giải ngân tiếp số tiền 100.000.000đ cho anh Nguyễn A T bằng hình thức rút tiền mặt. Anh T đã ký giấy nhận nợ số 01, 02 vào hai ngày trên với tổng số tiền nhận nợ là 600.000.000đ.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, anh Nguyễn A T chưa trả được nợ gốc, đã thanh toán trả Ngân hàng tiền lãi tổng số là 48.144.351đ. Đến hạn trả nợ, anh T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên khoản nợ đã chuyển sang nợ quá hạn. Ngân hàng đã nhiều lần thông báo, nhắc nợ, đồng thời làm việc về nghĩa vụ trả nợ nhưng anh T không thực hiện. Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc anh Nguyễn A T phải thanh toán trả cho Ngân hàng toàn bộ số nợ gốc 600.000.000đ, tiền lãi trong hạn tạm tính đến ngày 31/5/2018 là 15.267.631đ, tiền lãi quá hạn là 5.410.973đ, tổng cộng bằng 620.678.604đ và phải tiếp tục chịu lãi quá hạn trên nợ gốc kể từ ngày 01/6/2018 cho đến khi thanh toán xong theo đúng lãi suất đã ký kết trong hợp đồng. Trường hợp anh T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì đề nghị Toà án tuyên xử cho phát mại tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ. Nếu tài sản thế chấp sau khi phát mại không đủ thu hồi nợ thì buộc anh T phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

Quá trình giải quyết vụ việc, Toà án đã thực hiện việc tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự, thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên toà nhưng bị đơn anh Nguyễn A T, chị Bùi T L cố tình vắng mặt không có lý do.

Xác minh tại UBND xã T được biết vợ chồng anh T chị L do làm ăn thua lỗ đã đi khỏi nơi cư trú từ tháng 4/2018, không thông báo cho chính quyền địa phương và Ngân hàng biết địa chỉ mới. Ngoài số tiền vay của Ngân hàng, vợ chồng anh T còn vay nợ rất nhiều người khác nữa chưa trả được.

Bà Trần Thị Ng là mẹ đẻ anh T cho biết: vợ chồng anh T chị L đã thế chấp diện tích đất 126,3m2 được vợ chồng bà tặng cho để vay của Ngân hàng số tiền 600.000.000đ kinh doanh thức ăn chăn nuôi gia súc. Do năm 2017 giá lợn hơi xuống thấp, các hộ chăn nuôi không trả được tiền mua cám nên vợ chồng anh T không thu hồi được vốn lâm vào cảnh thua lỗ, phải bỏ quê đi làm ăn xa không rõ địa chỉ, để hai con lại cho vợ chồng bà chăm sóc nuôi dưỡng, thỉnh thoảng mới gọi điện hỏi thăm các con. Bà đã phải đứng ra trả lãi hộ con cho Ngân hàng được mấy tháng rồi không trả được nữa vì vợ chồng bà cũng đang nợ Ngân hàng. Gia đình bà sẵn sàng hợp tác cùng phía Ngân hàng bán tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ.

Theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 30/10/2018 thể hiện diện tích đất vợ chồng anh T chị L thế chấp đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng không có gì thay đổi, đúng như trong hợp đồng thế chấp bất động sản các bên đã ký kết.

Tại phiên toà hôm nay, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn, đề nghị bị đơn phải thực hiện ngay việc trả nợ cho Ngân hàng. Tính đến ngày xét xử 18/12/2018, anh T phải trả cho Ngân hàng gồm: nợ gốc 600.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 48.144.379đ, tiền lãi quá hạn 21.849.314đ, tổng cộng bằng 669.993.693đ. Anh T còn phải chịu lãi quá hạn trên nợ gốc kể từ ngày 19/12/2018 cho đến khi thanh toán trả xong nợ theo lãi suất đã ký kết trong hợp đồng. Trường hợp anh T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì đề nghị Toà án tuyên xử cho phát mại tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ. Nếu tài sản thế chấp sau khi phát mại không đủ thu hồi nợ thì buộc anh T phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ của Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng đã ký. Đối với lãi suất chậm trả lãi, các loại phí và chi phí cho việc xem xét thẩm định tại chỗ đại diện Ngân hàng không yêu cầu bị đơn phải thanh toán, tự nguyện chịu toàn bộ, đề nghị Tòa án không xem xét giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn A T chị Bùi T L, người làm chứng bà Trần Thị Ng đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lữ tham gia phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn không chấp hành đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 117, 119, 317, 318, 323, 463, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, 228, 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh Nguyễn A T phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần C - Chi nhánh Hưng Yên tiền nợ gốc, tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn tạm tính đến ngày xét xử 18/12/2018 tổng cộng là 669.993.693đ. Anh T còn phải tiếp tục chịu lãi trên số nợ gốc kể từ ngày 19/12/2018 cho đến khi thanh toán hết nợ theo đúng lãi suất hai bên thoả thuận trong hợp đồng tín dụng.

Trường hợp anh T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì đề nghị Toà án tuyên xử cho phát mại tài sản đã thế chấp để thi hồi nợ.

Hoàn trả lại nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần C - Chi nhánh Hưng Yên khởi kiện yêu cầu Toà án buộc bị đơn anh Nguyễn A T chị Bùi T L, địa chỉ thôn Đội 2, thôn T L, xã T, huyện T, tỉnh Hưng Yên phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết được xác định là tranh chấp về kinh doanh thương mại (tranh chấp hợp đồng tín dụng) và thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án huyện Tiên Lữ theo quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất nhưng vắng mặt không có lý do tại phiên tòa ngày 30/11/2018, nên Tòa án huyện Tiên Lữ đã ra Quyết định

hoãn phiên tòa số 04/2018/QĐST-KDTM, ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào hồi 08 giờ 00 phút ngày 18/12/2018 đồng thời niêm yết quyết định và giấy triệu tập theo quy định. Bị đơn vẫn vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do, nên Toà án xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về áp dụng pháp luật: Hợp đồng tín dụng giữa các bên được ký kết vào ngày 23/3/2017 trước khi Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực. Tuy nhiên, hợp đồng tín dụng có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015, nên căn cứ điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015 luật nội dung điều chỉnh quan hệ tranh chấp là Bộ luật Dân sự năm 2015. Riêng phần tính lãi suất sẽ áp dụng Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Toà án nhân dân tối cao.

[3]. Về nội dung: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ tiền vay gốc 600.000.000đ và tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hợp đồng tín dụng số 3013957572/2017-HĐTDHM/NHCT342 ngày 23/3/2017 giữa nguyên đơn và bị đơn tuân thủ các quy định tại Điều 121, 122 Bộ luật Dân sự năm 2005 (Điều 117, 119 Bộ luật Dân sự năm 2015) khi giao kết nên hợp đồng là hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ, các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thoả thuận đã cam kết trong hợp đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, nguyên đơn thực hiện đúng các thoả thuận trong hợp đồng, giải ngân theo cam kết cho bị đơn. Tuy nhiên, bị đơn đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi đúng hạn nên đã vi phạm Hợp đồng tín dụng. Ngân hàng đã nhiều lần thông báo, nhắc nợ, đồng thời làm việc với bị đơn để đôn đốc, yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng bị đơn không thực hiện. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán các khoản nợ tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm gồm tiền nợ gốc 600.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 48.144.379đ, tiền lãi quá hạn 21.849.314đ, cộng bằng 669.993.693đ là phù hợp với các điều khoản của Hợp đồng tín dụng số 3013957572/2017-HĐTDHM/NHCT342 ngày 23/3/2017 được các bên ký kết và quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Ngoài ra, Hội đồng xét xử áp dụng Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 buộc bị đơn phải phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng khoản tiền lãi trên nợ gốc trong hạn, lãi nợ quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Do các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh mức lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng, nên lãi suất mà bị đơn phải tiếp tục thanh toán theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[4]. Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ của Ngân hàng: Hợp đồng thế chấp bất động sản số 3013957572/03-2017/HĐTC ngày 23/3/2017, biên bản định giá tài sản giữa Ngân hàng (Bên nhận thế chấp) với vợ chồng anh T chị L (Bên thế chấp) thể hiện tài sản thế chấp gồm diện tích đất 126,3m2 ở thôn T L, xã T, huyện T tại thửa số 09 tờ bản đồ số 94 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 715912 do UBND huyện T cấp ngày 15 tháng 4 năm 2014 mang tên ông Nguyễn Ngọc Th bà Trần Thị Ng, đã làm thủ tục tặng cho vợ chồng anh T chị L ngày 09/3/2017. Hợp đồng thế chấp bất động sản đã đảm bảo các điều kiện có hiệu lực của giao dịch theo quy định tại Điều 117 Bộ luật Dân sự năm 2015 và được công chứng theo đúng quy

định tại Điều 119 và Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm nên hợp đồng hợp pháp và có hiệu lực pháp luật. Do vậy, trường hợp anh T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền cho phát mại tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ. Trường hợp tài sản thế chấp sau khi phát mại không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì anh T phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

[5]. Về lãi suất chậm trả lãi, các loại phí và chi phí cho việc xem xét thẩm định tại chỗ đại diện Ngân hàng không yêu cầu bị đơn phải thanh toán, tự nguyện chịu toàn bộ, đề nghị Tòa án không xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[6]. Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Anh Nguyễn A T chị Bùi T L phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 117, 119, 317, 318, 321, 322, 323, 463, điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, 228, 229 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án; Án lệ số 08/2016/AL.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần C - Chi nhánh Hưng Yên.

Buộc anh Nguyễn A T chị Bùi T L phải có nghĩa vụ thanh toán trả cho Ngân hàng các khoản nợ tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 18/12/2018 gồm: tiền gốc 600.000.000đ; tiền lãi trong hạn 48.144.379đ, tiền lãi quá hạn 21.849.314đ, tổng cộng bằng 669.993.693đ *(Sáu trăm sáu chín triệu chín trăm chín ba nghìn sáu trăm chín ba đồng)*. Anh T chị L còn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn của số nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày 19/12/2018 theo mức lãi suất mà hai bên đã thoả thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Lãi suất mà bị đơn phải tiếp tục thanh toán theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp anh T chị L không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền cho phát mại tài sản là quyền sử dụng diện tích đất 126,3m2 tại thửa số 09 tờ bản đồ số 94 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 715912 do UBND huyện T cấp ngày 15 tháng 4 năm 2014 mang tên ông Nguyễn Ngọc Th bà Trần Thị Ng, đã làm thủ tục tặng cho vợ chồng anh T chị L ngày 09/3/2017 ở thôn T L, xã T, huyện T cùng toàn bộ tài sản

khác gắn liền với đất (kể cả tài sản hình thành trong tương lai từ tài sản thế chấp) để thu hồi nợ.

Trường hợp tài sản thế chấp sau khi phát mại không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì vợ chồng anh T chị L phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

Về án phí: Ngân hàng thương mại cổ phần C - Chi nhánh Hưng Yên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 14.415.000 đồng theo biên lai số HY/2010/004281 ngày 11/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiên Lữ.

Bị đơn vợ chồng anh Nguyễn A T chị Bùi T L phải chịu 30.799.700đ án phí dân sự sơ thẩm;

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Đoàn Mạnh Quang

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Tiên Lữ;
- Chi cục THADS huyện Tiên Lữ;
- UBND xã T
- Phòng KTNV Toà án tỉnh Hưng Yên;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.